CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Mơ

Ngày 31/12/2025	59,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.5%	**-3.0%**	**-3.4%**

DT thuần
Q4/25
193
tỷ VNĐ
QoQ: ▼47.0| -19.5%
YoY: ▼40.0| -17.1%

LN thuần
Q4/25
89.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.0| -32.6%
YoY: ▼41.0| -31.5%

LN sau thuế
Q4/25
75.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼33.3| -30.6%
YoY: ▼33.3| -30.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
53.8%
YoY: +/-▼ 5.2%

ROE
2025
15.1%
YoY: +/-▼ 7.3%

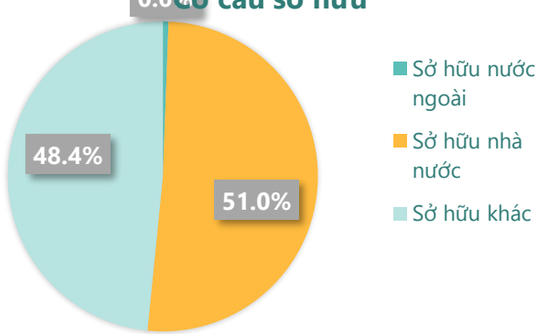
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	57,100 - 67,191
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,179
Số lượng CPLH (CP)	70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,940
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.07
EPS	3,481
P/E	17.1

DT thuần
2025
753
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.0| -1.3%

LN thuần
2025
385
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.0| -9.5%

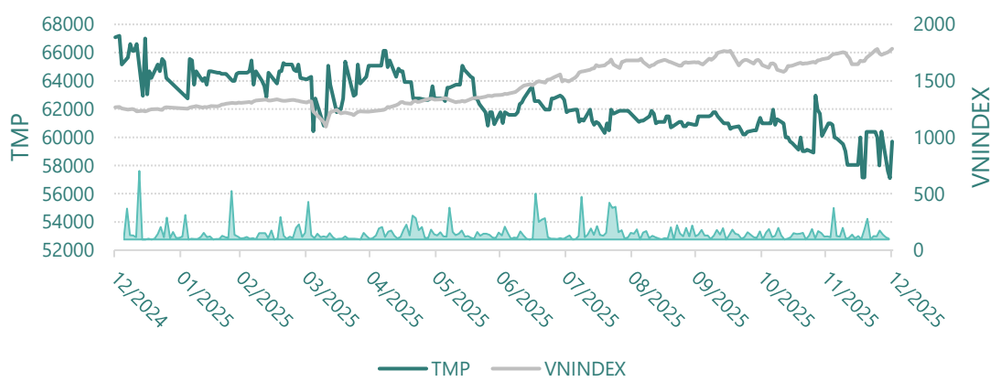
LN sau thuế
2025
322
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.0| -9.3%

Cơ cấu sở hữu

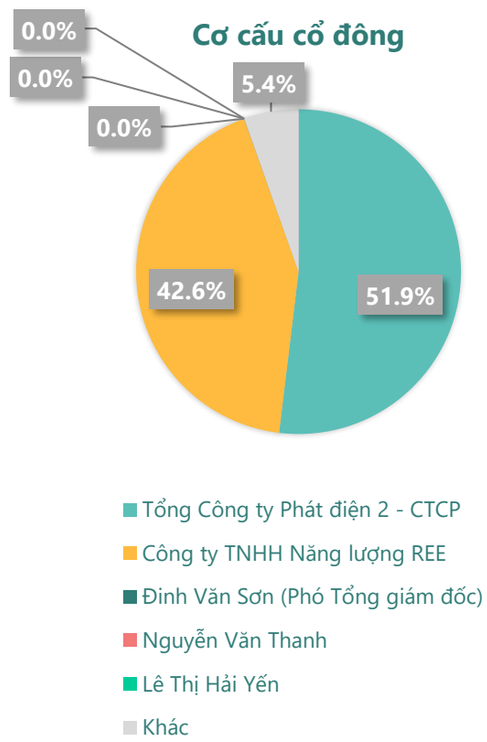


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



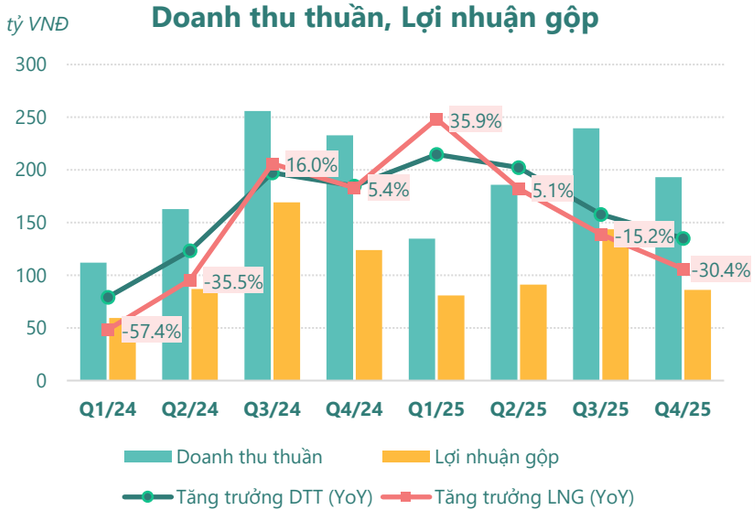
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

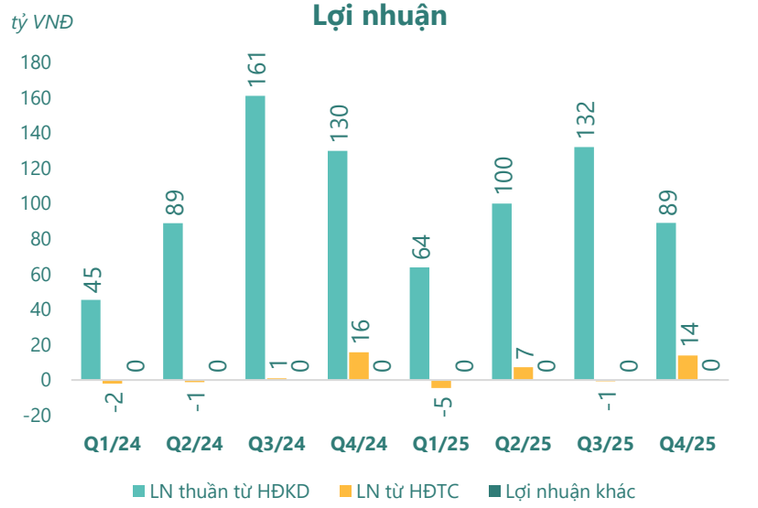
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



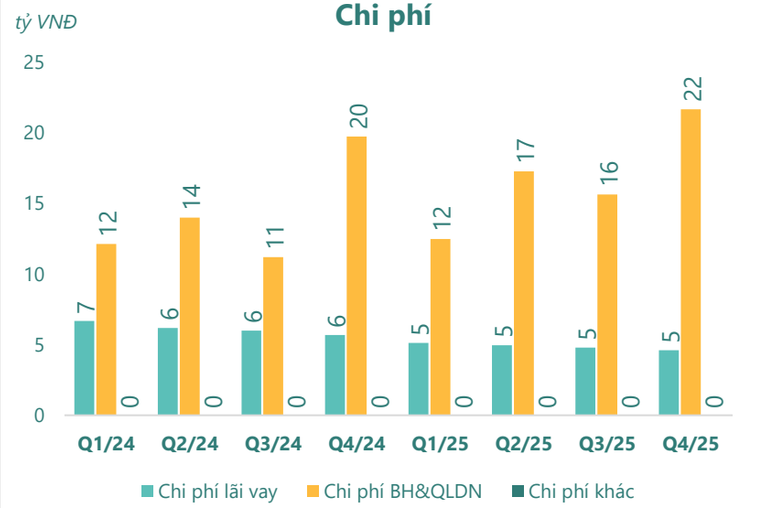
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



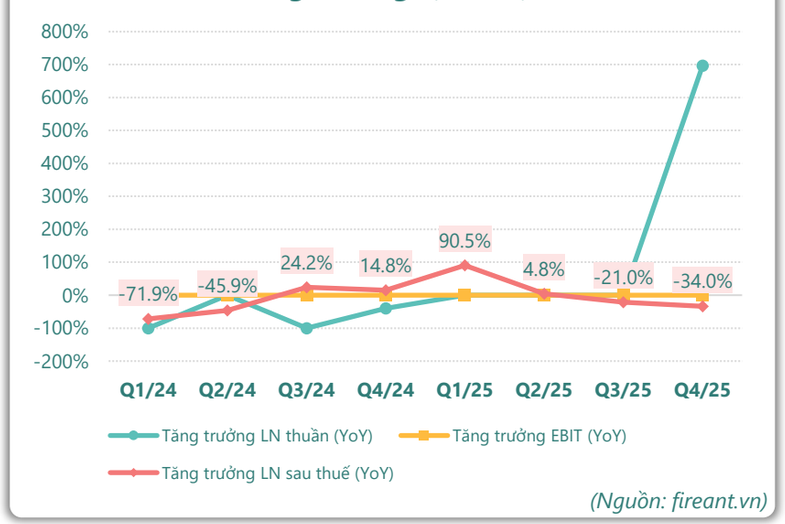
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



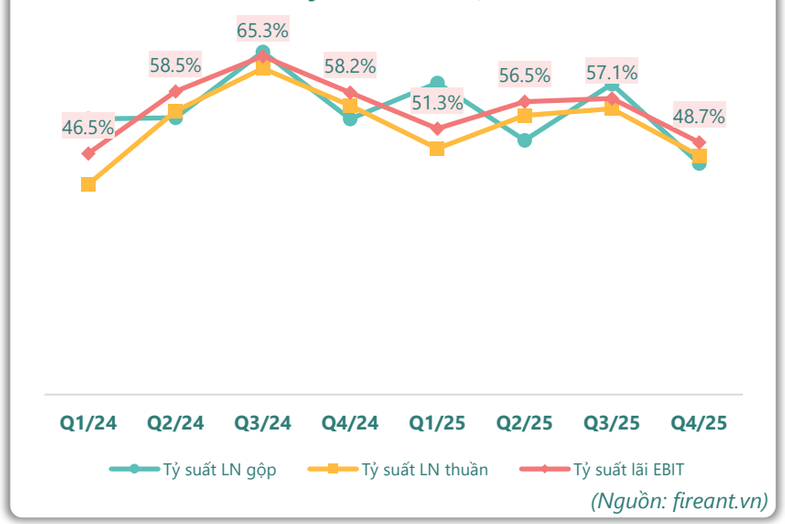
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



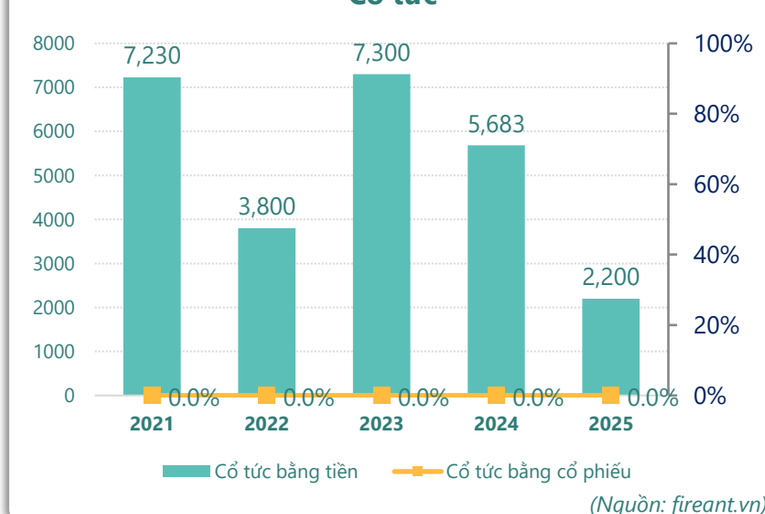
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

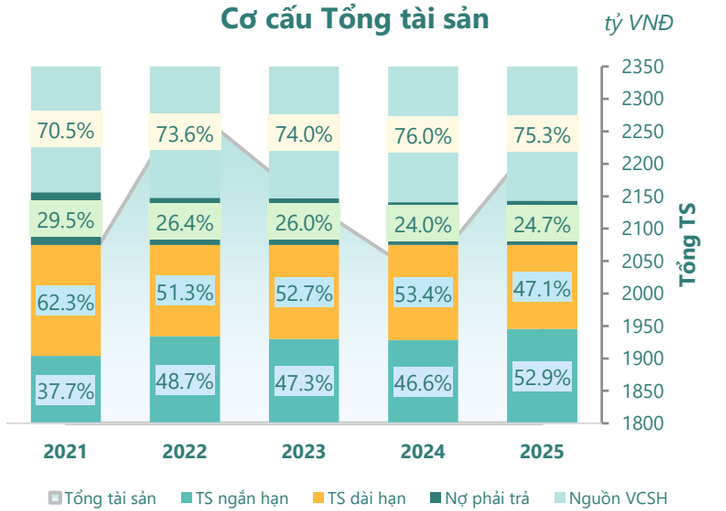
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

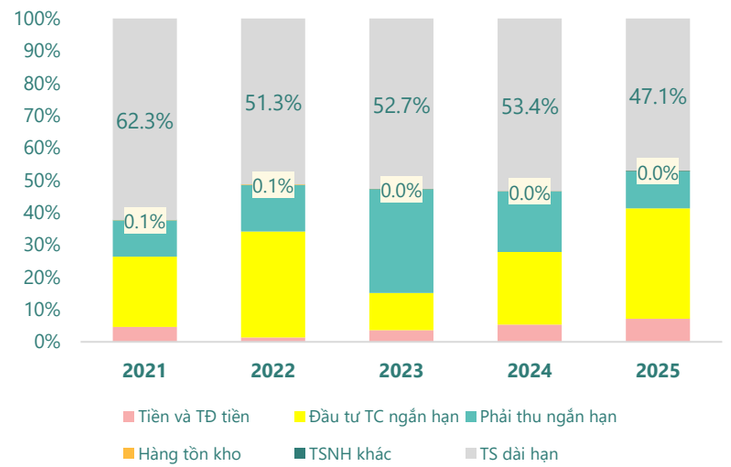
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



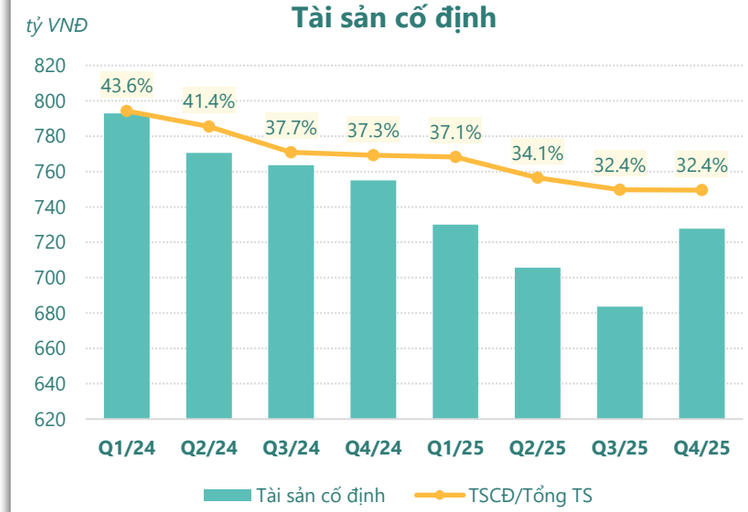
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



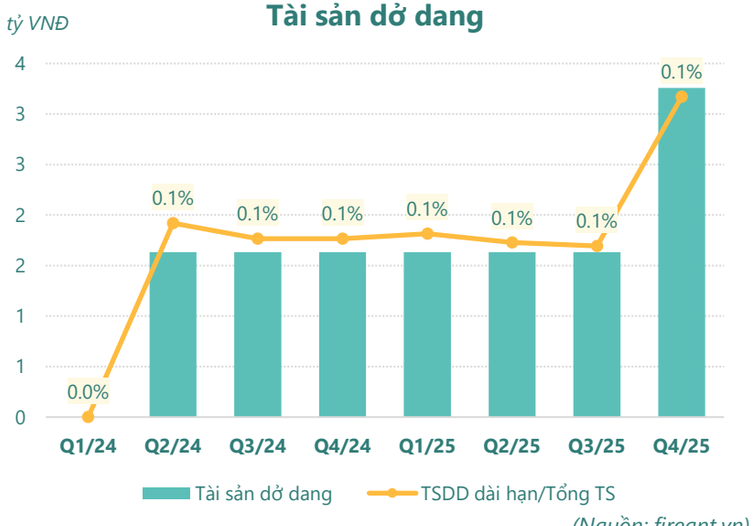
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



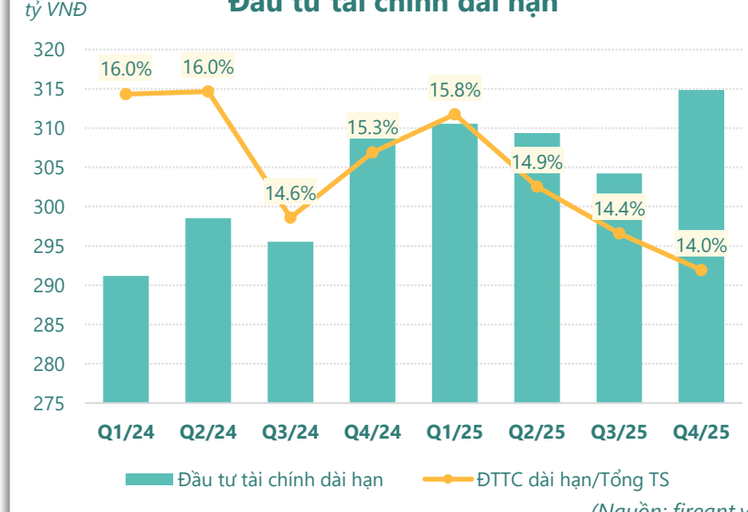
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



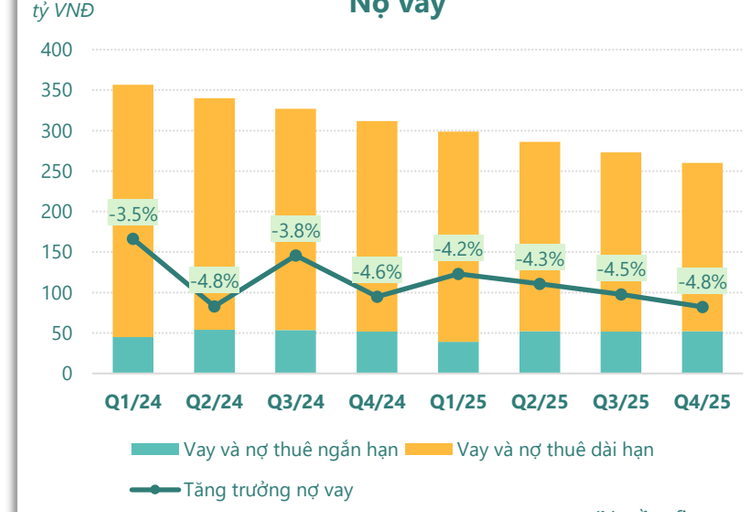
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

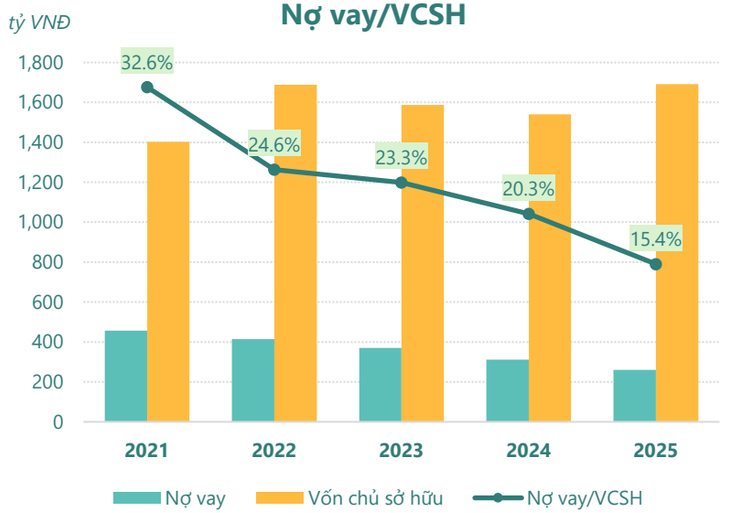
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

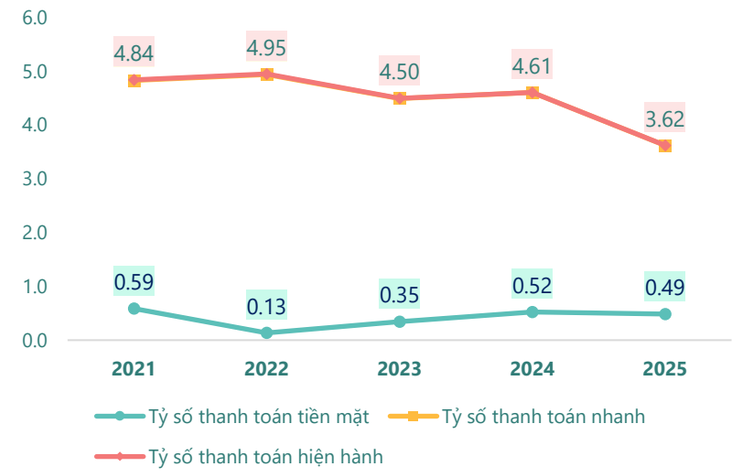
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



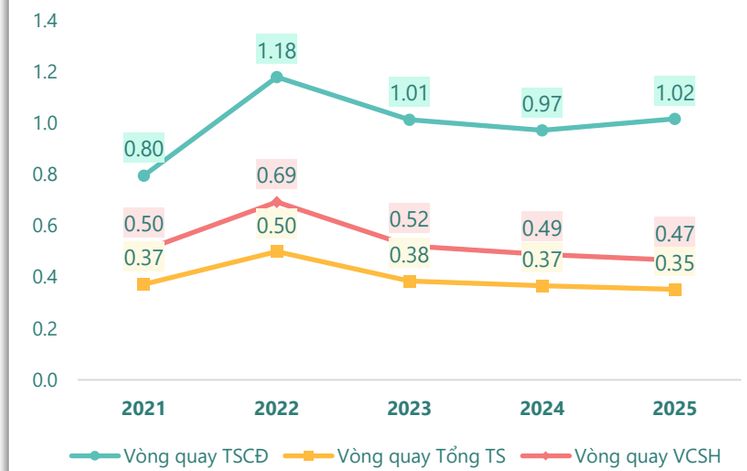
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



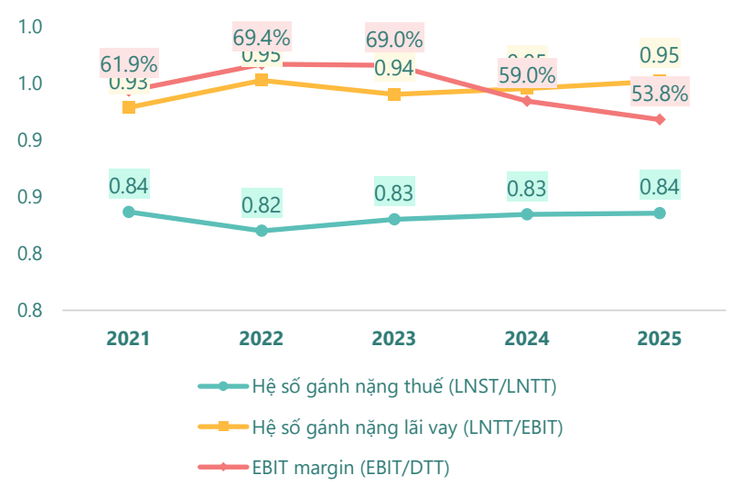
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



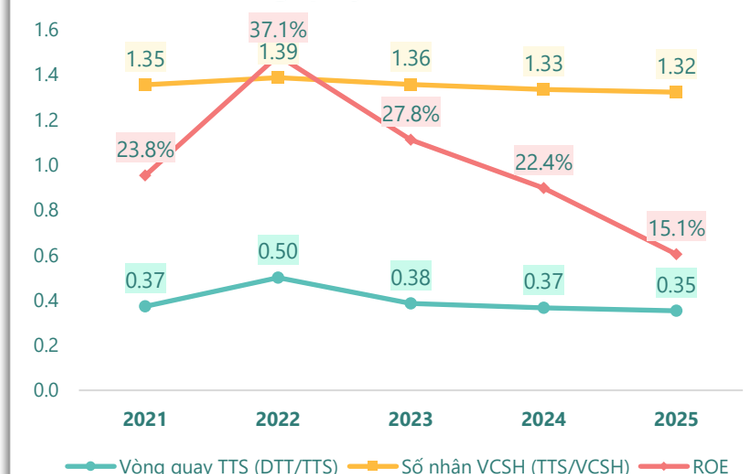
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



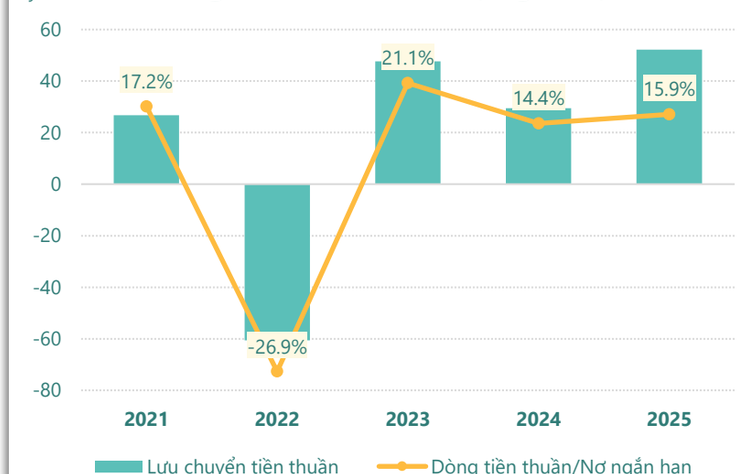
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**193**	**233**	**-17.1%**	**753**	**764**	**-1.3%**
Giá vốn hàng bán	107	109	-1.8%	352	322	9.3%
Lợi nhuận gộp	86.1	124	-30.6%	402	442	-9.1%
Doanh thu HĐTC	18.5	21.3	-13.1%	35.6	38.0	-6.4%
Chi phí TC	4.61	5.69	-19.0%	19.5	24.6	-20.5%
Chi phí lãi vay	4.61	5.69	-19.0%	19.5	24.6	-20.5%
LN trong công ty LKLD	**10.7**	**10.3**	**3.7%**	**34.3**	**29.6**	**15.9%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**21.7**	**19.8**	**9.5%**	**67.1**	**59.4**	**13.1%**
LN thuần từ HĐKD	89.0	130	-31.5%	385	426	-9.5%
Lợi nhuận khác	**0.41**	**0.05**	**725%**	**0.41**	**0.05**	**696%**
LN trước thuế	89.4	130	-31.2%	385	426	-9.4%
Lợi nhuận sau thuế	**75.7**	**109**	**-30.6%**	**322**	**355**	**-9.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.61**	**108**	**-98.5%**	**244**	**350**	**-30.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.3	393	-61.3	221	212	206
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.9	-191	38.1	-78.7	-212	-61.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.2	-140	-13.5	-18.4	-97.3	-82.3
Tiền đầu kỳ	107	46.4	108	70.8	194	97.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-60.8**	**61.1**	**-36.7**	**124**	**-96.9**	**62.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.4	108	70.8	194	97.6	160

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,248**	**2,025**	**11.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,190	944	26.1%
Tiền và tương đương tiền	160	108	48.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	768	455	68.7%
Phải thu ngắn hạn	258	379	-31.8%
Hàng tồn kho	0.69	0.56	22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	3.17	1.68	88.5%
Tài sản dài hạn	**1,058**	**1,081**	**-2.1%**
Phải thu dài hạn	0.96	0.90	6.7%
Tài sản cố định	728	755	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.26	1.63	99.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	315	311	1.4%
Tài sản dài hạn khác	**11.5**	**13.0**	**-12.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	556	485	14.6%
Nợ ngắn hạn	**328**	**205**	**60.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.1	51.9	0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	101	34.9	190%
Nợ dài hạn	228	280	-18.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	208	260	-20.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,692**	**1,540**	**9.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,692**	**1,540**	**9.9%**
Vốn điều lệ	700	700	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)